

TP. Hưng Yên, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2024/TLST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý;

Người đại diện theo uỷ quyền lại tham gia tố tụng: Ông Ma Quang M, bà Nguyễn Thị T, ông Trương Công T1 và bà Nguyễn Thị Thanh H - Cán bộ xử lý nợ, Trung tâm xử lý nợ pháp lý, địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà V, số G D, Cầu G, Hà Nội.

- **Bị đơn:** Công ty cổ phần N1;

Địa chỉ trụ sở: Số E, đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân N - Chủ tịch HĐQT.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Xuân N, sinh ngày 02/09/1984;

HKTT: Thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Trương Thị K, sinh ngày 22/05/1988;

HKTT: Thôn F, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Hiện ông N, bà K đang cư trú tại: Khu G, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về tổng số nợ gốc, nợ lãi, phí phạt:

Tính đến hết ngày 15/9/2024, Công ty cổ phần N1 (do ông Nguyễn Xuân N - Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo pháp luật của Công ty) còn nợ Ngân hàng TMCP V (viết tắt là: V1) tổng số tiền là: 559.883.392 đồng (*Trong đó: Nợ gốc: 499.999.157 đồng; lãi phải trả: 58.361.675 đồng; phạt chậm trả lãi: 1.522.560 đồng*), theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 270122-7117410-01-SME ngày 27/10/2022; khế ước nhận nợ số: 251023-7117410-ONL-3 ngày 25/10/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty cổ phần N1.

2. Về thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi, phí phạt và biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

*** Về thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi, phí phạt:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Công ty cổ phần N1 có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi, phí phạt trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày hoà giải 17/9/2024 đến hết ngày 17/10/2024 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lãi với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 15/9/2024 là 559.883.392 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2024 theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số: 270122-7117410-01-SME ngày 27/10/2022; khế ước nhận nợ số: 251023-7117410-ONL-3 ngày 25/10/2023 cho đến khi Công ty cổ phần N1 thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ.

*** Về vi phạm nghĩa vụ trả nợ và biện pháp bảo đảm cho khoản vay:**

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận:

Trong trường hợp Công ty cổ phần N1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, thì ông Nguyễn Xuân N, bà Trương Thị K có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần N1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 270122-7117410-01-SME ngày 27/10/2022; khế ước nhận nợ số: 251023-7117410-ONL-3 ngày 25/10/2023.

Trong trường hợp Công ty cổ phần N1, ông Nguyễn Xuân N, bà Trương Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê

biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty cổ phần N1, ông Nguyễn Xuân N, bà Trương Thị K để thu hồi khoản nợ vay.

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận:

+ Bị đơn (Công ty cổ phần N1) phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 13.197.668 đồng (*Mười ba triệu, một trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu tám đồng*).

+ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho V1 số tiền 12.768.000 đồng (*Mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000512 ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hưng Yên;
- Chi cục THADS TP. Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương